

Số: 16

/GCN-SXD-KT&VLXD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BXD ngày 27/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định Xây dựng phía Nam do đại diện Công ty nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố (Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả số H29.18-250116-0009 ngày 26/02/2025);

Xét văn bản góp ý của chuyên gia sau khi xem xét hồ sơ khắc phục ngày 25/02/2025 và Biên bản đánh giá thực tế ngày 22/01/2025 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh;

CHỨNG NHẬN:**1. Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định Xây dựng phía Nam**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4103005697 đăng ký lần đầu ngày 12/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 23/12/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Địa chỉ: số 107 đường Trần Nguyên Đán, Phường 3, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028 3517 0334; 028 3512 3171.

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng SCIC**.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: số 107 đường Trần Nguyên Đán, Phường 3, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số LAS-XD: LAS-XD 58.038¹ (theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP).

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký.

4. Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong đơn; hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định Xây dựng phía Nam;
 - Bộ Xây dựng (để báo cáo);
 - Giám đốc Sở (để báo cáo);
 - Văn phòng Sở (đăng tải website);
 - Lưu VT, KT&VLXD/NTD, S.
- (BN: H29.18-250116-0009 ngày 26/02/2025)



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đặng Phú Thành

¹ Chuyển đổi từ LAS-XD 506 theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 234/GCN-BXD ngày 25/3/2019 của Bộ Xây dựng.

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 58.038**



(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
số 16 /GCN-SXD-KT&VLXD ngày 28/02/2025 của Sở Xây dựng)

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử nghiệm (*)
1	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1.1	Xác định độ nghiền mịn qua sàng, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023
1.2	Xác định thời gian đông kết, độ ổn định thể tích, độ dẻo tiêu chuẩn	TCVN 6017:2015
1.3	Xác định cường độ bền uốn và nén của xi măng	TCVN 6016:2011
2.	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA; ĐÁ DẪM	
2.1	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572 - 2:2006
2.2	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572 - 4:2006
2.3	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572 - 5:2006
2.4	Xác định khối lượng thể tích xộp và độ hồng	TCVN 7572 - 6:2006
2.5	Xác định độ ẩm	TCVN 7572 - 7:2006
2.6	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572 - 8:2006
2.7	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572 - 9:2006
2.8	Xác định cường độ nén và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572 - 10:2006
2.9	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572 - 11:2006
2.10	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572 - 13:2006
2.11	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572 - 17:2006
2.12	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572 - 20:2006
2.13	Xác định thành phần hạt của cốt liệu dùng trong xây dựng đường bộ	TCVN 14135 - 5:2024

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử nghiệm (*)
2.14	Xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020
3.	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
3.1	Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng bê tông	TCVN 3105:2022
3.2	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
3.3	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993
3.4	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993
3.5	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3115:2022
3.6	Xác định giới hạn bền khi nén của bê tông	TCVN 3118:2022
3.7	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn của bê tông	TCVN 3119:2022
3.8	Xác định cường độ lắng trụ và khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022
4.	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG THÍ NGHIỆM	
4.1	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
4.2	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
4.3	Xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo và chỉ số dẻo	TCVN 4197:2012
4.4	Xác định thành phần hạt	TCVN 4198:2014
4.5	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012
4.6	Thí nghiệm đầm nén proctor	TCVN 12790:2020
4.7	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng) của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012
4.8	Xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020
5.	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG	
5.1	Xác định thành phần hạt	TCVN 12884 - 2:2020
5.2	Xác định độ ẩm của bột khoáng	TCVN 12884 - 2:2020
5.3	Xác định khối lượng riêng của bột khoáng chất	TCVN 8735:2012
5.4	Xác định hệ số thích nước	TCVN 12884 - 2:2020
6.	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
6.1	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860 - 1:2011

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử nghiệm (*)
6.2	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860 - 3:2011
6.3	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén.	TCVN 8860 - 5:2011
6.4	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860 - 6:2011
6.5	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860 - 8:2011
6.6	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860 - 9 :2011
6.7	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860 - 10:2011
6.8	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860 - 11:2011
6.9	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860 - 12:2011
7.	THỬ NGHIỆM GẠCH ĐẤT SÉT NUNG	
7.1	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355 - 1:2009
7.2	Xác định cường độ nén	TCVN 6355 - 2:2009
7.3	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355 - 3:2009
7.4	Xác định độ hút nước	TCVN 6355 - 4:2009
7.5	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355 - 5:2009
7.6	Xác định độ rỗng	TCVN 6355 - 6:2009
8.	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG	
8.1	Xác định kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016
8.2	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016
8.3	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 6477:2016
8.4	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016
8.5	Xác định độ hút nước	TCVN 6355 - 4:2009
9.	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
9.1	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121 - 6:2022
9.2	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121 - 10:2022
9.3	Xác định độ bền khi uốn của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121 - 11:2022
9.4	Xác định độ bền khi nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121 - 11:2022
9.5	Xác định hệ số hút nước do mao dẫn của vữa đóng rắn	TCVN 3121 - 18:2022

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử nghiệm (*)
10.	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN	
10.1	Thử kéo	TCVN 197 - 1:2014 TCVN 7937:2013
10.2	Thử uốn	TCVN 198: 2008
10.3	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - Thử uốn	TCVN 5401:2010
10.4	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại- Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010 TCVN 8311:2010
10.5	Thử cấp độ bền ren của bu lông, đai ốc	ASTM A370-24a; ASTM F606//F606M-24; TCVN 197-1:2014
11.	THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG	
11.1	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
11.2	Xác định mô đun đàn hồi E chung của kết cấu bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867:2011
11.3	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012 TCVN 8730:2012
11.4	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao vòng	TCVN 12791:2020 TCVN 8729:2012
11.5	Xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
11.6	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020
12.	THỬ NGHIỆM CỌC BÊ TÔNG LY TÂM ỨNG LỰC TRƯỚC	
12.1	Thử nghiệm kích thước cơ bản và ngoại quan	TCVN 7888:2014
12.2	Xác định độ bền uốn nứt thân cọc	TCVN 7888:2014
12.3	Xác định độ bền uốn thân cọc dưới tải trọng nén dọc trục	TCVN 7888:2014
12.4	Xác định khả năng bền cắt thân cọc	TCVN 7888:2014
12.5	Xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
13.	THỬ NGHIỆM CỘT ĐIỆN BÊ TÔNG LY TÂM	
13.1	Kích thước cơ bản và ngoại quan	TCVN 5847:2016

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử nghiệm (*)
13.2	Xác định khả năng chịu tải	TCVN 5847:2016
13.3	Xác định cường độ nén bằng súng bột nẩy	TCVN 9334:2012
14.	THỬ NGHIỆM ỐNG BÊ TÔNG CỐT THÉP THOÁT NƯỚC	
14.1	Kích thước cơ bản và ngoại quan	TCVN 9113:2012
14.2	Kiểm tra khả năng chịu tải	TCVN 9113:2012
14.3	Kiểm tra khả năng chống thấm nước	TCVN 9113:2012
14.4	Xác định cường độ nén bằng súng bột nẩy	TCVN 9334:2012
15.	THỬ NGHIỆM CỐNG HỘP BÊ TÔNG CỐT THÉP	
15.1	Kích thước cơ bản và ngoại quan	TCVN 9116:2012
15.2	Kiểm tra khả năng chịu tải	TCVN 9116:2012
15.3	Kiểm tra khả năng chống thấm nước	TCVN 9116:2012
15.4	Xác định cường độ nén bằng súng bột nẩy	TCVN 9334:2012

Ghi chú (*): Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.



